

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2022

V/v “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồng Quang Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn C, sinh năm 1976. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh C tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 17/8/2009. Suốt quá trình chung sống, vợ chồng luôn có mâu thuẫn, bất đồng, không thể hòa hợp. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 09/2019 đến nay. Do đó, chị yêu cầu được ly

hôn với anh C.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Đức D, sinh ngày 13/8/2009 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 12/6/2019. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2022, bị đơn - anh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị Đ về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống, chị Đ hay cãi nhằn chửi giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng, anh không rõ nguyên nhân dẫn đến chị Đ xin ly hôn. Từ ngày 13/02/2022 đến nay, chị Đ thuê nhà ở riêng, vợ chồng không còn sống chung. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Đức D, sinh ngày 13/8/2009 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 12/6/2019. Trường hợp ly hôn, anh thống nhất giao hai con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị Đ không nuôi con được thì anh xin được nuôi các con, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các con đang ở với chị Đ.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh C cư trú tại thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh C và yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt

nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Đ và anh C tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Châu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 17 tháng 8 năm 2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị Đ cho rằng: do vợ chồng bất đồng quan điểm nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn; trong khi đó, anh C cho rằng: quá trình chung sống, chị Đ hay cằn nhằn chứ giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng. Chị Đ và anh C đều thừa nhận, hiện nay vợ chồng không còn sống chung. Anh C yêu cầu đoàn tụ nhưng anh không tham gia các phiên hòa giải. Chị Đ vẫn cương quyết ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[3]. Về con chung: chị Đ yêu cầu được nuôi cả hai cháu D và H; hiện nay hai cháu đang ở với chị Đ. Anh C thống nhất giao cả hai con cho chị Đ nuôi dưỡng. Cháu D có nguyện vọng được ở với chị Đ.

Chị Đ có công việc ổn định, mức thu nhập mỗi tháng là 7.955.000 đồng, đảm bảo điều kiện để nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao cháu D và cháu H cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ về "*tranh chấp ly hôn, nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn C.

2. Về con chung: giao các cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 13/8/2009 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 12/6/2019 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng

đến khi đủ 18 tuổi. Chị Đ không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Đ phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004603 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Châu, huyện Quế Sơn
- (Giấy CNKH số 53 ngày 17/8/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ